TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 86 /2018/HS-ST Ngày: 21/06/2018	*Đông Anh, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Quang Tuyến**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Ngọc Phương**
  2/ Bà **Đỗ Thị Thúy Hằng**

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Đoan Trang** - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 21/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh,Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87 /2018/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LA VĂN T** - Sinh năm: 1995 tại Lào Cai; HKTT và nơi ở: Bản B, Xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Con ông: La Ngọc H và bà Vi Thị S; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 000000189 lập ngày 13/3/2018 của Công an huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại**:

1. Bà Nguyễn Thị M - Sinh năm 1960.

ĐKHKTT : Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Hà Thị A, sinh năm 1996.

ĐKHKTT : Khu K, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thôn S, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2018 La Văn T đi xe khách từ T, huyện V, tỉnh Lào Cai đến địa bàn huyện Đ, thành phố Hà Nội lang thang để xin việc làm. Do hết tiền chi tiêu nên khoảng 09 giờ ngày 11/03/2018 La Văn T đi bộ đến thôn S, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến dãy nhà cho thuê trọ của ông Nguyễn Văn M (sinh năm 1960; trú tại: S, V, Đ, Hà Nội), T gặp bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1960; Nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình – là người thuê trọ nhà ông M) đang phơi quần áo đầu khu trọ. T hỏi bà M "Khu trọ còn phòng cho thuê không?", bà M trả lời: "Còn một phòng người vừa chuyển đi, ở tít trong ấy". T liền đi vào dãy nhà trọ quan sát, phát hiện cửa phòng của bà M mở. T nhìn vào trong thấy tại đầu giường ngủ tầng một để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 lắp sim số thuê bao 0967207203 của chị Hà Thị A (sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Khu K, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ là con dâu và ở cùng phòng thuê trọ với bà M) và chiếc điện thoại di động IPHONE 6 lắp sim số thuê bao 01656827937 của bà M để cuối giường. Chị Hà Thị A đang ngủ trên gác xép. Bị can T đột nhập theo lối cửa chính, trộm cắp hai chiếc điện thoại IPHONE 5 và IPHONE 6 cho vào túi áo khoác rồi đi ra khỏi phòng. Bà M phát hiện T lén lút đi ra khỏi phòng đã hô hoán "Thằng kia đứng lại". Nghe tiếng hô, chị A tỉnh dậy thấy một người đàn ông vừa đi từ phòng mình ra, nhìn đến vị trí để điện thoại không thấy đâu nên chạy ra hô hoán cùng ông Minh giữ được T. T đã trả 02 chiếc điện thoại trộm cắp được lại cho chị A. Ông M, bà M và chị A đã bàn giao T cùng vật chứng liên quan cho Công an huyện Đ. Công an huyện Đ đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang đối với La Văn T.

Vật chứng tạm giữ của La Văn T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu trắng số IMEL : 354404066451754 gắn sim số thuê bao 01656827937 cùng ốp nhựa màu hồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, vỏ màu trắng, số IMEL : 013429004887895 gắn số thuê bao 0967207203.

Ngày 13/3/2018 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận : Chiếc điện thoại di động IPHONE 5 kèm theo sim của chị A trị giá 1.050.000đ; Chiếc điện thoại di động IPHONE 6 kèm theo sim và vỏ ốp nhựa của bà M trị giá 4.150.000đ. Tổng trị giá tài sản La Văn T trộm cắp là 5.200.000đồng.

Tại Cơ quan điều tra La Văn T khai nhận như trên phù hợp với tài liệu điều tra thu thập được.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu trắng số IMEL: 354404066451754 gắn sim số thuê bao 01656827937 và ốp nhựa màu hồng là tài sản hợp pháp của bà M; Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5, vỏ màu trắng, số IMEL: 013429004887895 gắn sim số thuê bao 0967207203 là tài sản hợp pháp của chị A. Ngày 14/3/2018, cơ quan điều tra Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho bà M và chị A. Sau khi nhận lại tài sản bà M và chị A không có yêu cầu gì về việc bồi thường dân sự .

Tại cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 04/05/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội đã truy tố La Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo Điều 173 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận: Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 11/03/2018, tại dãy nhà thuê trọ của ông Nguyễn Văn M ở thôn S, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội bị cáo đã có hành vi trộm cắp 02 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 và IPHONE 6 để trên giường ngủ của gia đình bà M, chị A với mục đích bán đi để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội dA và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 173, khoản 1; Điều 51, khoản 1 điểm i, s; Điều 51 khoản 2 và Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi năm 2017), xử phạt: La Văn T với mức án từ 08 đến 10 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện Đ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về thẩm quyền và các quy định khác về điều tra, truy tố và xét xử. Việc bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt họ.

[2] Về hành vi và tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo La Văn T tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra. Được chứng minh bằng vật chứng của vụ án là 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 và IPHONE 6 vỏ màu trắng bạc đã được thu hồi. Tại Kết luận định giá tài sản số 75/HĐĐGTS ngày 13/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định giá trị của Chiếc điện thoại di động IPHONE 5 kèm theo sim của chị A trị giá 1.050.000đ; Chiếc điện thoại di động IPHONE 6 kèm theo sim và vỏ ốp nhựa của bà M trị giá 4.150.000đ. Tổng trị giá tài sản La Văn T trộm cắp là 5.200.000đồng.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày 11/03/2018, tại nhà ông Nguyễn Văn M ở thôn S, xã V, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, La Văn T đã có hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 và IPHONE 6 của bà M và chị A trị giá 5.200.000 đồng. Hành vi của bị cáo La Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 173, khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).

[3] Về nhân thân, tiền án, tiền sự và cáctình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tiền án, tiền sự: Không.

- Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án tiền sự.

- Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình, Tòa án đã xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để từ đó có hình phạt tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể:

+ Tình tiết tăng nặng: Không có.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng Điều 51 khoản 1 điểm i , s, Điều 51 khoản 2 của Bộ luật hình sự 2015 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về hình phạt:

- Hành vi Trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của Cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, gây nguy hại cho xã hội và bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 và IPHONE 6 của chị A và bà M trị giá 5.200.000 đồng. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm hạn chế các loại tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn huyện Đ nói riêng và Thành phố Hà Nội nói chung. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do vậy, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo ngoài xã hội.

- Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định, thì người phạm tội có thể còn bị phạt tiền…Tuy nhiên, xét trong trường hợp này bị cáo chưa có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Trong trường hợp cụ thể này không áp dụng biện pháp tư pháp nào đối với bị cáo.

- Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 và IPHONE 6 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị M và chị Hà Thị A, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả lại bà M, chị A là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ vào**: Điều 173, khoản 1; Điều 51 khoản 1 điểm i, s và khoản 2 Điều 51Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **La Văn T** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**.

Xử phạt: **La Văn T 6** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 khoản 1; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21 khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Bị cáo La Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại (bà M, chị A) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hợp lệ bản án./.

<u>Nơi nhận</u>:
- Bị cáo;
- UBND X.Thẳm Dương, H.Văn Bàn;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở TP Thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quang Tuyến

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 21 tháng 5 năm 2018

Tại: phòng nghị án tầng 3 - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trần Quang Tuyến.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Hữu Đệ**

2/ Bà **Hoàng Thị Hòa**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2018/TLHS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 đối với:

Bị cáo **La Văn T**, sinh năm 1995 tại Lào Cai.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về tội dA: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

Tuyên bố bị cáo **La Văn T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Điều luật áp dụng và hình phạt:

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ Điều 173, khoản 1; Điều 51 khoản 1 điểm i, s và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **La Văn T 7** (bẩy) tháng tù.

3/ Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 khoản 1; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21 khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng dA mục kèm theo.

Bị cáo La Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại (A Quang) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hợp lệ bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Huyền) có quyền kháng cáo phần quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được hợp lệ bản án./.

Biên bản nghị án đã được các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí 100% (3/3) thông qua./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**